TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1547/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30-10-2018
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Hễ;

2. Ông Huỳnh Phẩm Dũng Phát.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm thụ lý số 112/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4458/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 7884/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02/10/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm H, sinh năm: 1978

Địa chỉ: 109/5 đường L, khu phố B, phường LT, quận TĐ, Thành phố H

- *Bị đơn:* Ông Do P, sinh năm: 1972

Địa chỉ: 10339 Windmill Cove Dr Stocton CA 95209, USA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21.02.2017 và trong quá trình tố tụng, bà Phạm H - nguyên đơn trình bày:

Năm 2012, Bà và ông Do P tự nguyện sống chung và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thành phố H (theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/9/2012, vào số đăng ký kết hôn số 2520, quyển số 13 ngày 14/9/2012).

Sau khi kết hôn, ông Do P về Mỹ sinh sống và làm việc, thời gian đầu ông bà thường xuyên liên lạc nhưng sau đó do sống xa cách, tình cảm vợ chồng

không còn như lúc đầu, ông Do P cũng không làm thủ tục bảo lãnh bà H sang Mỹ để đoàn tụ; từ tháng 6.2016 đến nay ông bà không còn liên lạc với nhau nữa.

Bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông Do P để ổn định cuộc sống.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà H khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã thực hiện việc ủy thác tư pháp sau đó đề nghị Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ niêm yết công khai văn bản tố tụng tại trụ sở của Đại sứ quán đồng thời thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán để thông báo thời gian tổ chức các phiên họp hòa giải tạo điều kiện cho các bên đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng ông Do P không có mặt nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa ra xét xử và tại phiên tòa, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa bà Phạm H và ông Do P là Ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có nơi cư trú tại quận TĐ, Thành phố H; bị đơn có nơi cư trú tại Hoa Kỳ nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân Thành phố H theo quy định tại khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã gửi Văn bản về việc Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập tham gia tố tụng cho bị đơn ông Do P theo quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 23/3/2018, Tòa án nhân dân Thành phố H nhận được văn bản số 836/BTP-PLQT ngày 15/3/2018 của Bộ Tư pháp về việc không thực hiện được ủy thác do đương sự không còn ở địa chỉ được yêu cầu ủy thác nên ngày 02/7/2018 Tòa án gửi văn bản đề nghị Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ niêm yết công khai văn bản tố tụng tại trụ sở của Đại sứ quán đồng thời thông báo trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự; tuy nhiên, đến ngày mở phiên tòa bị đơn không có mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 13.4.2017, nguyên đơn bà Phạm H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử nhận thấy trong quá trình tố tụng nguyên đơn đã cung cấp lời khai và xác định cụ thể yêu cầu khởi kiện nên việc nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa không gây ảnh hưởng hoặc làm thay đổi nội dung vụ án đồng thời phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận.

2. Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/9/2012, vào số đăng ký kết hôn số 2520, quyển số 13 ngày 14/9/2012 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp thì quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm H và ông Do P là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của nguyên đơn thì mâu thuẫn phát sinh do vợ chồng chỉ sống chung với nhau trong thời gian ngắn, chưa hiểu hết về nhau nên chưa có sự thông cảm, chia sẻ dẫn đến mâu thuẫn không thể giải quyết, hiện nay ông bà không còn liên lạc với nhau nên bà H yêu cầu ly hôn với ông Do P để ổn định cuộc sống. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố H đã làm thủ tục ủy thác tư pháp sau đó thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ để thông báo cho bị đơn biết yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và thời gian mở phiên tòa xét xử lần thứ nhất, lần thứ hai nhưng không nhận được ý kiến trả lời; điều này cho thấy ông Do P không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với bà H, như vậy việc hàn gắn là không còn biện pháp. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Do P và bà Phạm H đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay bà H có yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống là nguyện vọng chính đáng đồng thời phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Về con chung, nợ chung và tài sản chung: Bà H khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm H.

- Về quan hệ vợ chồng: Bà Phạm H được ly hôn với ông Do P

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Phạm H chịu, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2016/0033679 ngày 03/3/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố H. Bà H không phải nộp thêm án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo:

Bà Phạm H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Ông Do P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn trong thời hạn 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TPH;
- VKSND cấp cao tại TPH;
- VKSND TPH;
- Cục THADS TPH;
- UBND TPH;
- Sở Tư pháp TPH;
- Các đương sự;
- Lưu: VT,HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Bích Loan